

BeQ HOLDINGS

# CHỈ SỐ BEQ VNX VIETNAM LOGISTICS

Chuỗi cung ứng Việt Nam gặp gỡ thị trường thông minh

Tháng chín, 2026



**Chỉ số BeQ Vietnam VNX Logistic**

**6%**

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng\*

**Chỉ số BeQ Vietnam VNX Top 10 Logistic**

**-1%**

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng \*

\*Cập nhật: 30 tháng 9, 2026

Cùng thời điểm, hiệu suất của chỉ số VNI và S&P500 lần lượt là 6.49% và 14.34%

## Một thước đo thời gian thực cho nền kinh tế phát triển nhanh

Trong một nền kinh tế đang tăng tốc nhanh chóng như Việt Nam, hậu cần không còn chỉ là một chức năng phía sau hậu trường — mà còn là dòng chảy của tăng trưởng quốc gia. Và trong thời điểm quan trọng này, các Chỉ số Logistics VNX của BeQ Việt Nam đã nổi lên như một trong những công cụ quan trọng nhất để hiểu, so sánh và điều hướng một trong những lĩnh vực mang tính chuyển đổi lớn nhất của đất nước. Ngành logistics của Việt Nam đang phát triển với tốc độ chóng mặt, được thúc đẩy bởi tăng trưởng sản xuất, thương mại điện tử bùng nổ và đầu tư nước ngoài gia tăng. Nhưng tốc độ tạo ra sự mờ đục. Thị trường di chuyển nhanh hơn các chỉ báo truyền thống có thể nắm bắt. Các Chỉ số Logistics BeQ Việt Nam VNX trực tiếp giải quyết thách thức này bằng cách "thúc đẩy các quyết định trong nền kinh tế biến động nhanh", mang đến cho nhà đầu tư và nhà phân tích một góc nhìn có cấu trúc về một ngành nơi sự thay đổi luôn diễn ra và động lực là điều quan trọng.

### Nắm bắt nền tảng của quá trình chuyển đổi kinh tế Việt Nam

Logistics nằm ở giao điểm của những lực lượng năng động nhất Việt Nam — xuất khẩu, chuỗi cung ứng, nâng cấp cơ sở hạ tầng và dòng vốn toàn cầu. Khi Việt Nam bước vào vai trò mới là Thị trường Mới nổi thứ cấp được FTSE công nhận, logistics đang trở thành yếu tố chiến lược khác biệt về khả năng cạnh tranh và sức hút đầu tư. Các chỉ số BeQ định lượng sự phát triển này, biến một ngành công nghiệp rộng lớn, phức tạp thành dữ liệu rõ ràng, có thể đầu tư.

### Một chuẩn mực được xây dựng cho nhà đầu tư toàn cầu

Các công ty logistics của Việt Nam ngày càng được chú ý, nhưng các nhà đầu tư toàn cầu cần các chỉ số đáng tin cậy để đo lường hiệu suất, so sánh công ty và quản lý mức độ tiếp xúc. Các Chỉ số Logistics VNX lấp đầy khoảng trống trên thị trường bằng cách cung cấp:

- Minh bạch theo từng ngành
- Phương pháp luận nhất quán phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế
- So sánh với các đối thủ logistics toàn cầu

Thực tế, các chỉ số này đóng vai trò như cầu nối còn thiếu giữa sự bùng nổ logistics của Việt Nam và vốn toàn cầu muốn tham gia vào nó.

### Công cụ dự đoán làn sóng dẫn đầu thị trường tiếp theo

Các chỉ số này không chỉ theo dõi hiệu suất mà còn theo dõi sự thay đổi về thanh khoản, vị thế thị trường và động lực doanh nghiệp — những yếu tố thường tiết lộ những người chiến thắng trong tương lai trước khi thị trường nói chung bắt đầu.

Đối với các nhà quản lý tài sản, tổ chức phát hành ETF và nhà đầu tư tổ chức, điều này khiến các Chỉ số Logistics VNX BeQ Việt Nam trở thành công cụ tín hiệu sớm mạnh mẽ trong một ngành đang sẵn sàng hợp nhất và tăng trưởng đột phá.

### Thúc đẩy đổi mới tài chính tại Việt Nam

Các chỉ số ngành là nền tảng cho một hệ sinh thái tài chính hiện đại. Với chỉ số logistics BeQ Việt Nam VNX, Việt Nam có được cơ sở hạ tầng cần thiết để hỗ trợ: ETF theo chủ đề, Sản phẩm cấu trúc, Phái sinh dựa trên hiệu suất logistics, Chiến lược phân bổ tài sản theo ngành.

### Thiết yếu cho các nhà hoạch định chính sách và chiến lược doanh nghiệp

Khi Việt Nam chuẩn bị cho dòng vốn chưa từng có liên quan đến việc nâng cấp thị trường mới nổi, năng lực và hiệu quả logistics sẽ định hình mọi thứ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài đến khả năng cạnh tranh xuất khẩu. Các chỉ số BeQ giúp các nhà hoạch định chính sách, nhà phân tích và lãnh đạo doanh nghiệp nhìn nhận ngành một cách rõ ràng, theo dõi tiến độ và so sánh Việt Nam với các trung tâm logistics toàn cầu.

# Chuỗi Chỉ số Logistics BeQ Việt Nam VNX

## Thiết kế

Chỉ số này được thiết kế theo các tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ UCITS, phù hợp để hỗ trợ các quỹ, ETF, phái sinh và các sản phẩm cấu trúc.

## Benchmark (Chỉ số tham chiếu)

Chỉ số Logistics BeQ Việt Nam VNX bao phủ tất cả các cổ phiếu Việt Nam đủ điều kiện theo quy tắc chỉ số BeQ. Chỉ số được tính trọng số theo vốn hóa thị trường đầy đủ, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2008.

## Tradable (Chỉ số giao dịch)

Chỉ số Top 10 của BeQ Vietnam VNX Logistics chọn ra 10 thành phần hàng đầu 'tốt nhất' của chỉ số BeQ Vietnam VNX Logistics về tính thanh khoản và vốn hóa điều chỉnh trên tự do lưu hành. Chỉ số này được trọng số theo vốn hóa thị trường tự do, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2008.

## Variants (Các biến thể)

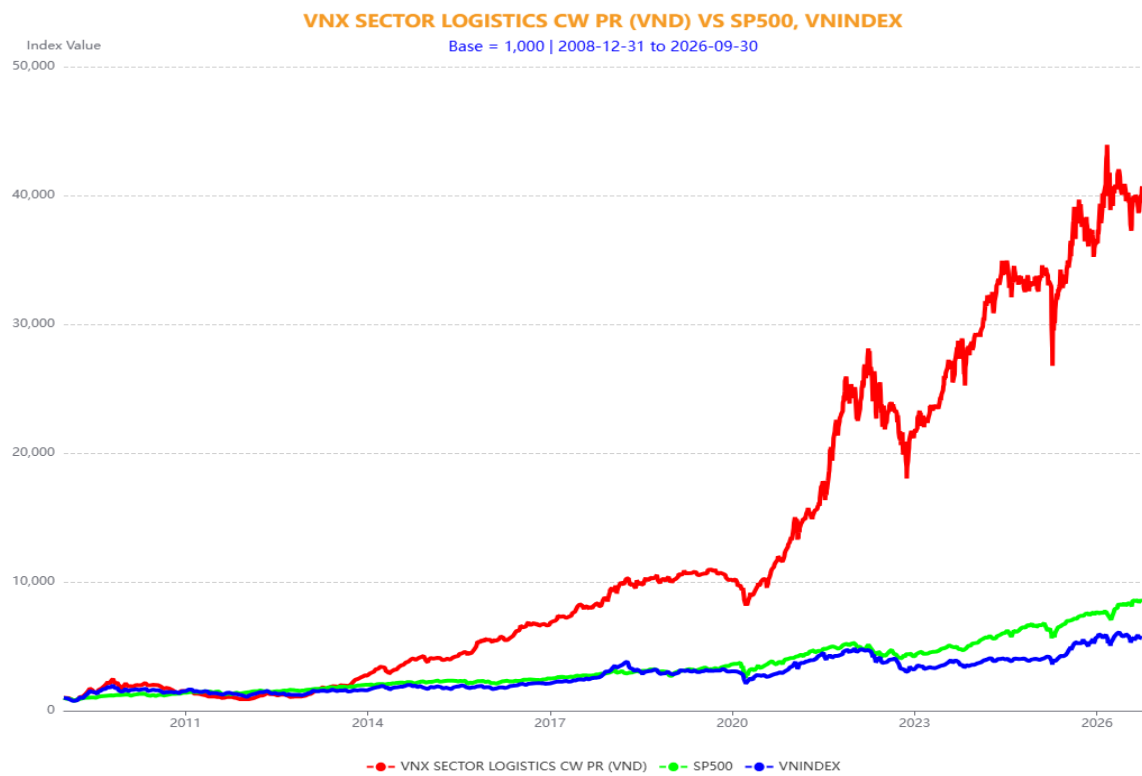
Các Chỉ số Logistics Chính BeQ Việt Nam VNX được tính theo định dạng Lợi nhuận Giá (PR), với các phiên bản Tổng lợi nhuận (TR) và Lợi nhuận ròng (NR) cũng có sẵn. Đồng tiền chỉ số tiêu chuẩn là VND, trong khi các phiên bản tiền tệ bổ sung – như AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC – được cung cấp cho nhà đầu tư nước ngoài để phản ánh hiệu quả thực tế của họ.

## Thành phần

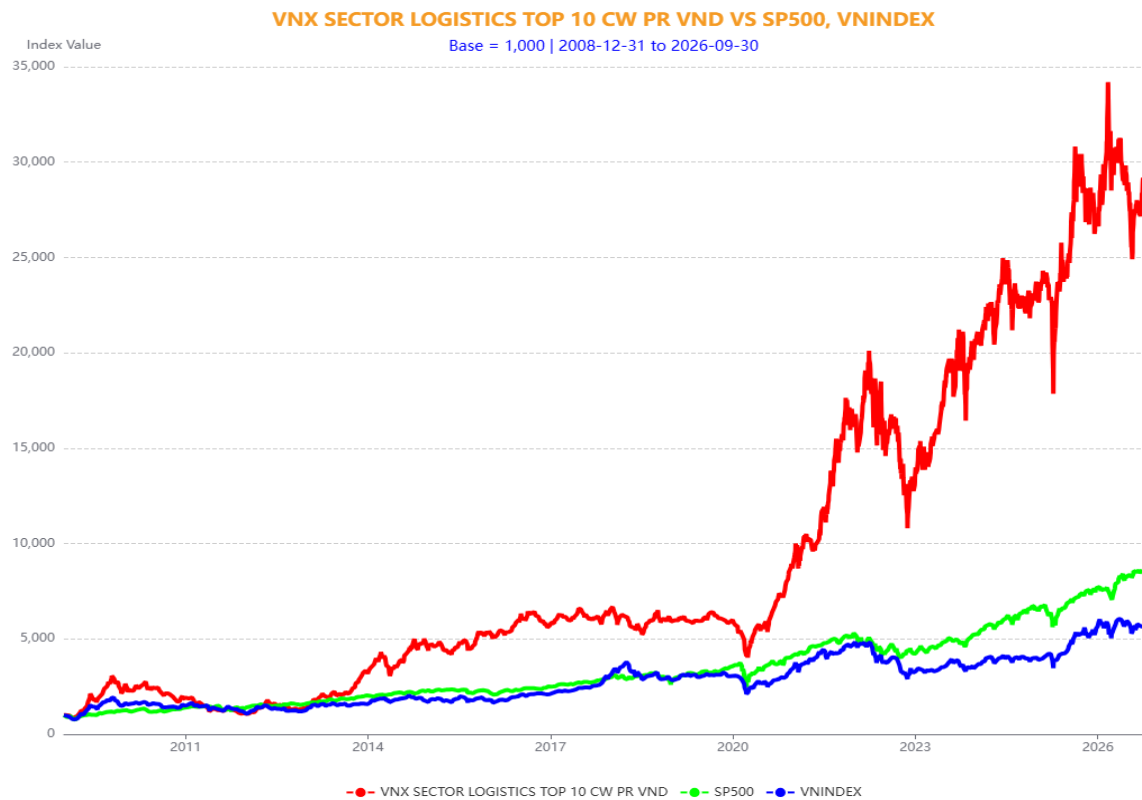
### Top 5 thành phần của BeQ Vietnam VNX Logistic Top 10

| Thứ tự | Tên        | Mã         | Nhóm ngành  | Sàn giao dịch | Tỷ trọng |
|--------|------------|------------|-------------|---------------|----------|
| 1      | [REDACTED] | [REDACTED] | Công nghiệp | HSX           | 23.67%   |
| 2      | [REDACTED] | [REDACTED] | Năng lượng  | HSX           | 17.83%   |
| 3      | [REDACTED] | [REDACTED] | Công nghiệp | HSX           | 17.24%   |
| 4      | [REDACTED] | [REDACTED] | Công nghiệp | HSX           | 13.43%   |
| 5      | [REDACTED] | [REDACTED] | Công nghiệp | HSX           | 13.34%   |

Hiệu suất hiện tại

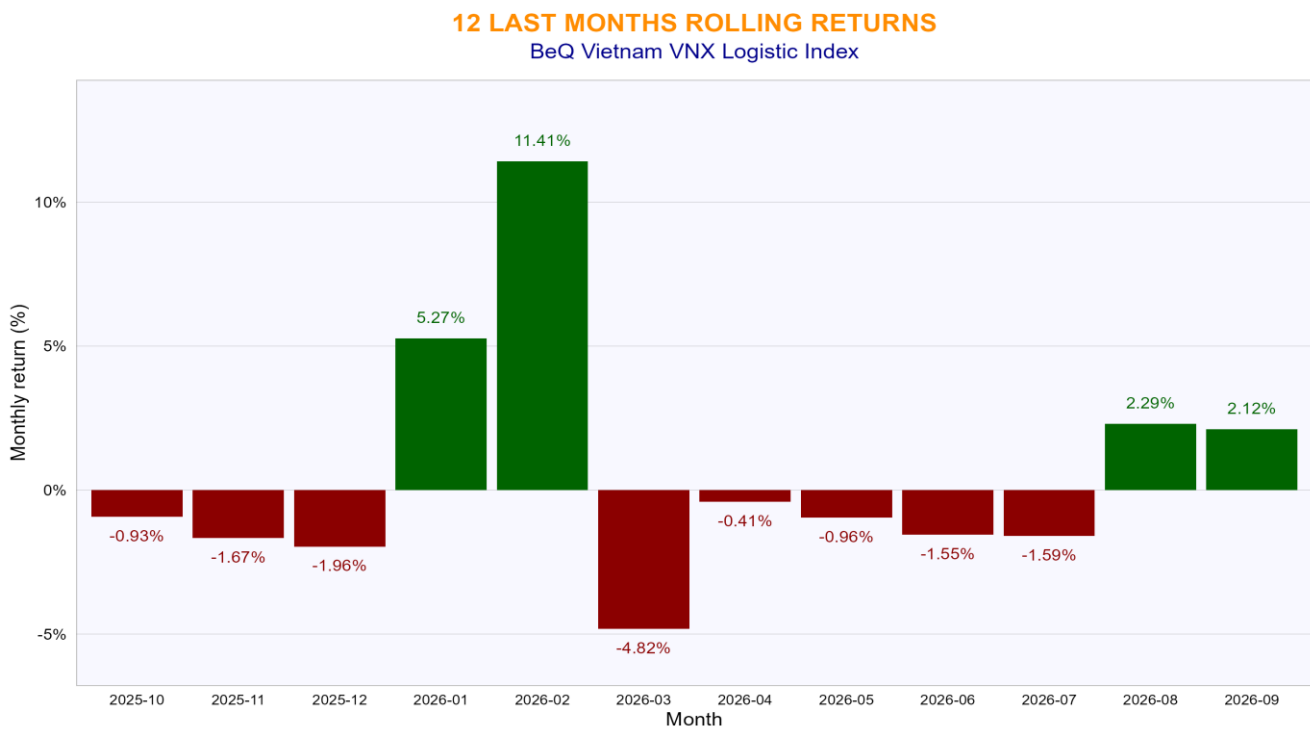


Cập nhật: 30 tháng 9, 2026

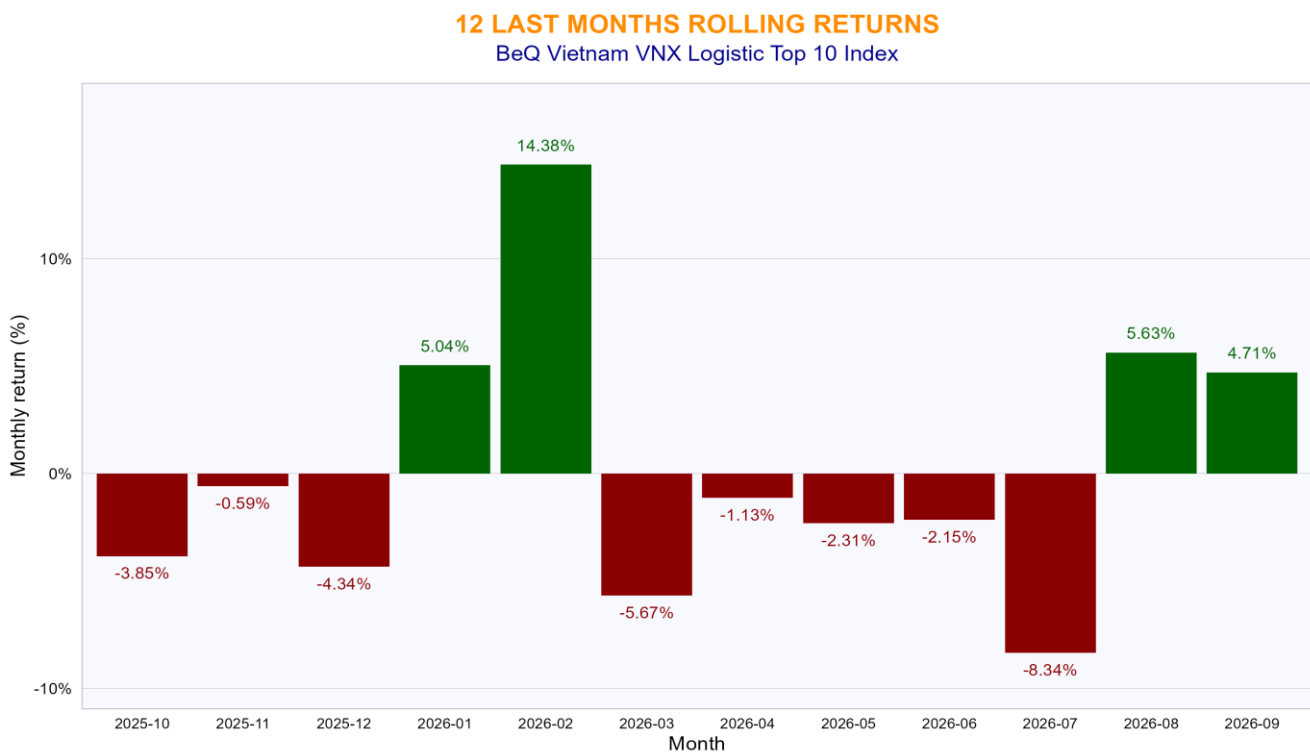


Cập nhật: 30 tháng 9, 2026

Hiệu suất 12 tháng



Cập nhật: 30 tháng 9, 2026



Cập nhật: 30 tháng 9, 2026

**Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Vietnam VNX Logistic**

| Yếu tố                    | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên                       | Chỉ số Logistics BeQ Việt Nam VNX                                                                                                                                                                                                                             |
| Mã                        | INDVNXSECLOG[CW][PR][VND]                                                                                                                                                                                                                                     |
| Mô tả ngắn                | BeQ Vietnam VNX Logistics Index theo dõi hiệu quả hoạt động của các công ty logistics hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực vận tải, cảng biển, vận tải biển và dịch vụ chuỗi cung ứng, mang lại sự tiếp cận tập trung vào ngành Logistics năng động của đất nước. |
| Lựa chọn                  | Tất cả cổ phiếu đủ điều kiện tuân thủ Quy tắc Chỉ số BeQ                                                                                                                                                                                                      |
| Chu kỳ xem xét            | Hàng quý tiếp theo chu kỳ tháng 3/6/9/12                                                                                                                                                                                                                      |
| Ngày rà soát              | Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo của ngày xem xét<br>Ngày thông báo 1 tuần trước ngày có hiệu lực<br>Ngày cắt kết thúc ngày cuối tháng trước đó                                                                                                   |
| Phương pháp tính trọng số | Vốn hóa thị trường đầy đủ (CW)<br>Các trọng số khác có sẵn: Cân bằng trọng số (EW)                                                                                                                                                                            |
| Phiên                     | PR (Giá cả), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)                                                                                                                                                                                                         |
| Loại tiền tệ              | VND và có sẵn bằng AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC                                                                                                                                                                                   |
| Tần suất tính toán        | Cuối ngày                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Tổng số lượng chỉ số      | 48                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Giá trị                   | 1,000                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Ngày cơ sở                | Ngày 31 tháng 12 năm 2008                                                                                                                                                                                                                                     |
| Mức cao lịch sử           | 43933.12                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Mức thấp lịch sử          | 755.74                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Trang web                 | <a href="http://www.ccpi.vn">www.ccpi.vn</a><br><a href="http://dashboardlite.ccpi.vn">dashboardlite.ccpi.vn</a>                                                                                                                                              |

**Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Vietnam VNX Top 10 Logistic**

| Yếu tố                    | Description                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên                       | Chỉ số Top 10 của BeQ Việt Nam VNX Logistics                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Mã                        | INDVNXSECLOG10[CW][PR][VND]                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Nhóm                      | LOGISTICS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Mô tả ngắn                | Chỉ số BeQ Việt Nam VNX Logistics Top 10 đại diện cho mười cổ phiếu logistics lớn nhất và có tính thanh khoản cao nhất trên thị trường Việt Nam. Chỉ số này được thiết kế để theo dõi hiệu quả hoạt động của các công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận tải, cảng biển, kho bãi và dịch vụ chuỗi cung ứng, cung cấp một chuẩn mực tập trung cho các cổ phiếu logistics có vốn hóa cao và dễ giao dịch cao. |
| Tiêu chí lựa chọn         | Top 10, Tốt nhất về thanh khoản (doanh thu), và vốn hóa (điều chỉnh theo tự do lưu hành)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Chu kỳ xem xét            | Hàng quý tiếp theo chu kỳ tháng 3/6/9/12                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Ngày rà soát              | Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo của ngày xem xét<br>Ngày thông báo 1 tuần trước ngày có hiệu lực<br>Ngày cắt kết thúc ngày cuối tháng trước đó                                                                                                                                                                                                                                             |
| Phương pháp tính trọng số | Vốn hóa tự do lưu hành đã điều chỉnh theo tự do lưu hành, và giới hạn ở mức 15% (CW)<br>Các trọng số khác có sẵn: Cân bằng trọng số (EW)                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Phiên bản chỉ số          | PR (Giá cả), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Loại tiền tệ              | VND và có sẵn bằng AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Tần suất tính toán        | Cuối ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Tổng số lượng chỉ số      | 48                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Ngày cơ sở                | Ngày 31 tháng 12 năm 2008                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Giá trị cơ sở             | 1,000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Ngày ra mắt               | Ngày 22 tháng 3 năm 2023                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Mức cao lịch sử           | 34192.63                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Mức thấp lịch sử          | 809.6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Trang web                 | <a href="http://www.ccpi.vn">www.ccpi.vn</a><br><a href="http://dashboardlite.ccpi.vn">dashboardlite.ccpi.vn</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

BEQHOLDINGS.com

# BeQ Holdings



## Contacts

### USA

200 Continental Drive, Newark,  
DE 19713, USA

### UK

128 City Road, London, United Kingdom,  
EC1V 2NX

### VIETNAM

67 Dinh Thi Thi Street, Van Phuc City, Thu Duc  
District, Ho Chi Minh City

### SINGAPORE

14 Robinson Road #08-01A, Far East Finance  
Building, 048545, Singapore

### LUXEMBURG

BeQuantum Group

### LUXEMBURG

BeQ Wealth Farming Bank

### WEBSITES

[www.beqholdings.com](http://www.beqholdings.com)

[www.ccpi.vn](http://www.ccpi.vn)

[dashboardlite.ccpi.vn](http://dashboardlite.ccpi.vn)